| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 388/2024/HC-PT
Ngày 13 - 5 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;
*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Mười;
Ông Lê Văn An.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 859/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1216/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Bà Trần Thị Uyên T, sinh năm 1974. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: số H, đường T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên lạc: số D, đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Dương Quốc H, sinh năm 2000 và ông Ngô Bảo N, sinh năm 1996. *(Ông* H *có mặt; ông* N *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Cùng địa chỉ liên hệ: số F, đường P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 05/5/2023).

**Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Nguyễn Thanh H1 - chức vụ; Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D (Quyết định ủy quyền số 2336/QĐ-UB ngày 16/6/2023) *(Vắng mặt)*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Bá T1, sinh năm 1976. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: số B, khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Trần Thị Uyên T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện do ông* Dương Quốc H *và ông* Ngô Bảo N *đại diện trình bày:*

Bà Trần Thị Uyên T là chủ sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 114m$^2$, thuộc thửa đất số 697, tờ bản đồ số 15, đất toạ lạc tại khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH 03291 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 05 tháng 8 năm 2016, cập nhật biến động lần cuối vào ngày 26 tháng 9 năm 2016. Nguồn gốc của thửa đất nêu trên là do bà T nhận thừa kế từ mẹ (bà Trần Thị Kim A), chết năm 2004. Thửa đất trên được bà A tự khai phá sử dụng từ trước năm 1976. Đến năm 1987, xây dựng nhà ở trên thửa đất này và gia đình bà A sử dụng đến hiện nay.

Trong quá trình xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cùng với 2 hộ có đất liền kề của gia đình thì những người này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị (ODT). Tuy nhiên, cùng vị trí thửa đất nhưng đến năm 2016, ông Trần Bá T1 và bà Trần Thị Uyên T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại thể hiện nội dung của mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm (CLN). Điều này là hết sức vô lý khi mà ông H2 và ông Đ khai phá đất và cất nhà cùng thời điểm với gia đình bà T nhưng lại được cấp đất ở đô thị, trong khi đó gia đình lại được cấp đất trồng cây lâu năm.

Trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 697, bà T đã được cấp số nhà số 160 theo chứng nhận số nhà số B-CN ngày 01 tháng 8 năm 2014. Ngoài ra, theo thông báo nộp thuế số 9097/TB-CCT ngày 15 tháng 05 năm 2014 thể hiện nội dung ông Trần Bá T1 phải thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo đất ở tại đô thị. Từ các căn cứ trên, bà T cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ cấp GCN: CH 03291 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 05 tháng 8 năm 2016, cập nhật biến động lần cuối vào ngày 26 tháng 9 năm 2016 xác định mục đích sử dụng đất là trái với quy định của pháp luật đất đai.

Ngày 28 tháng 9 năm 2016, bà T có làm đơn khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân thị xã D. Ngày 22 tháng 8 năm 2017, Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Công văn số 2095/UBND-NC về việc trả lời kiến nghị của công dân với nội dung mà bà T đã khiếu nại. Tuy nhiên, đến ngày 28/02/2023, bà T mới được nhận Công văn 2095/UBND-NC nên bà T khởi kiện yêu cầu:

1. T2 hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH 03291 do UBND thị xã D cấp ngày 05/8/2016, cập nhật biến động lần cuối ngày 26/9/2016 đối với phần mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

2. Buộc UBND thành phố D thực hiện thay đổi nội dung của mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm (CLN) thành đất ở đô thị (ODT) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH 03291 cấp ngày 05/8/2016.

*Người bị kiện* Ủy ban nhân dân thành phố D *có yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 29/6/2023, Công văn 2087/UBND-TNMT ngày 23/8/2023:*

Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, căn cứ Điều 56, 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ quyết định (từ số 1464 đến 1470) ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011-2015) của 7 phường trên địa bàn thị xã D; căn cứ Điều 13 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh B ban hành quy định về một số vấn đề liên quan đến thủ tục đăng ký đất đai, tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 03291 do UBND thị xã D cấp cho ông Trần Bá T1 ngày 05/8/2016 tại thửa đất số 697, tờ bản đồ số 15, diện tích sử dụng 114m$^2$ đất trồng cây lâu năm là phù hợp quy định. Việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D cập nhật biến động quyền sử dụng đất do nhận thừa kế cho bà Trần Thị Uyên T ngày 26/9/2016 tại trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 03291 là phù hợp quy định.

- Theo đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Bá T1 đề ngày 23/3/2016, được UBND phường B xác nhận ngày 27/4/2016 cho thấy, thời điểm hình thành nhà ở của gia đình ông T1 vào năm 1985. Khi đó, hành lang bảo vệ đường bộ Quốc lộ A (Xa lộ H) đã được áp dụng theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ quy định hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ. Như vậy, thời điểm xây dựng nhà ở của gia đình ông T1 sau thời điểm ban hành quy định hành lang đường bộ. Đồng thời ngày 11/5/2016, Chủ tịch UBND thị xã D có thông báo kết luận số 262/TB-UBND với nội dung thống nhất việc xác định chỉ số bảo vệ hành lang đường bộ tuyến Quốc lộ A là 25,5m. Như vậy, toàn bộ diện tích thửa đất số 697, tờ bản đồ

số 15, do gia đình ông T1 đang trực tiếp sử dụng thuộc hành lang bảo vệ đường bộ Quốc lộ A.

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định "*hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15/10/1993; nay được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch thì được công nhận quyền sử dụng đất và được xem xét cấp đất ở theo quy định*". Đối chiếu với quy định này, thì việc sử dụng đất vào mục đích xây dựng nhà ở của gia đình ông T1 vào năm 1985 là không phù hợp quy hoạch và sau thời điểm ban hành quy định hành lang đường bộ năm 1982, do đó trường hợp gia đình ông T1 không đủ điều kiện xem xét cấp đất ở. Do đó, việc UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD482168, số vào sổ CH03291 ngày 05/8/2016, cập nhật biến động ngày 26/9/2016 với diện tích 114m$^2$ đất trồng cây lâu năm là phù hợp quy định.

- Việc tồn tại căn nhà tại thửa 697, tờ bản đồ số 15 có thời điểm xây dựng từ năm 1985 là đúng với thực tế sử dụng. Do đó, UBND thị xã D cấp giấy chứng nhận số nhà số 2009/UBND-CN ngày 01/8/2014, chứng nhận căn nhà của gia đình bà Trần Thị Uyên T mang số 160 là phù hợp quy định. Việc cấp giấy chứng nhận số nhà này được sử dụng khi gia đình bà T làm các thủ tục liên quan đến địa chỉ. Tuy nhiên, giấy chứng nhận số nhà không là căn cứ để xác định loại đất khi gia đình bà T lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 10/2016, UBND thị xã nhận được đơn khiếu nại của bà Trần Thị Uyên T đề ngày 28/9/2016. Nội dung: khiếu nại việc UBND thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03291 ngày 05/8/2016, cập nhật biến động ngày 26/9/2016 không có đất ở; theo đó bà T yêu cầu Chủ tịch U điều chỉnh mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở cho bà. Ngày 12/12/2016, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 6073/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Uyên T. Nội dung bác đơn khiếu nại của bà T. Ngày 21/12/2016 và ngày 30/12/2016, phòng T4 phối hợp UBND phường B công bố, tiến hành bàn giao Quyết định số 6073/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 cho bà T, tuy nhiên bà T không đồng ý nhận Quyết định.

- Vào ngày 05/01/2017, tại buổi tiếp dân của lãnh đạo UBND thị xã D, bà Trần Thị Uyên T có đến kiến nghị xem xét lại Quyết định số 6073/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND thị xã về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà, đồng thời bà T so sánh đối với việc UBND thị xã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Võ Viết H3, ông Võ Văn Đ1, ông Phạm Công V, ông Vũ Thế H4, bà Hoàng Thị N1. Ngày 22/8/2017, UBND thị xã D phát hành Công văn số 2095/UBND-NC về việc trả lời kiến nghị của bà Trần Thị Uyên T.

- Sau khi văn bản được phát hành, UBND thị xã D đã tống đạt Công văn số 2095/UBND-NC ngày 22/8/2017 đến bà Trần Thị Uyên T thông qua dịch vụ Bưu chính. Đồng thời, ngày 28/02/2023, đại diện Ban tiếp công dân (Văn phòng HĐND - UBND thành phố D) tiếp tục bàn giao Công văn số 2095/UBND-NC nêu trên cho bà T theo yêu cầu của bà T. Vì vậy, UBND thành phố D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Uyên T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Trần Bá T1 *có yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày*: Ông T1 thống nhất ý kiến, yêu cầu của bà Trần Thị Uyên T.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 30, 32, khoản 1 Điều 158, 164, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng Điều 14 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Áp dụng Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các Điều 18, 33 Luật Khiếu nại năm 2011.

Án lệ số 63/2023/AL được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24/02/2023 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Uyên T đối với Ủy ban nhân dân thành phố D về việc:

- Tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH 03291 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 05/8/2016, cập nhật biến động lần cuối ngày 26/9/2016 đối với phần mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

- Buộc UBND thành phố D thực hiện thay đổi nội dung của mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm (CLN) thành đất ở đô thị (ODT) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH 03291 cấp ngày 05/8/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 09/10/2023, người khởi kiện có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện do đã không đánh giá toàn diện, khách quan

các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và đánh giá phiến diện các chứng cứ, trái quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Uyên T trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo do nhà đã được xây cất từ năm 1985 và đã sử dụng liên tục, ổn định. Các hộ dân sử dụng kế cận đất gia đình bà T đều đã được công nhận là diện tích đất ở, riêng nhà bà T lại chỉ được cấp đất trồng cây lâu năm là không công bằng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện nhà đất của bà T được xây cất năm 1985, sau khi đã có Nghị định số 203 của Hội đồng Bộ trưởng về chỉ giới hành lang đường bộ đối với Quốc lộ A nên gia đình bà không được công nhận diện tích hành lang đường bộ là đất ở là đúng. Án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị Uyên T yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH03291 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 05/8/2016, cập nhật biến động lần cuối ngày 26/9/2016 đối với phần mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; buộc UBND thành phố D thực hiện thay đổi nội dung của mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm thành đất ở đô thị trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH03291 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 05/8/2016. Lý do khởi kiện là đất có nguồn gốc do mẹ ruột của bà T là Trần Thị Kim

A khai phá, sử dụng trước năm 1972 và xây dựng nhà năm 1980. Năm 2006 bà A mất, ông Trần Khánh T3 là con ruột bà A đã đại diện cho những người thừa kế gồm Trần Thị Uyên T và Trần Thị Uyên P đứng tên trên GCNQSD đất (ngày 05/8/2016); đến ngày 26/9/2016 ông T3 chuyển giao toàn bộ diện tích cho bà T và được UBND thị xã D cập nhật biến động tại trang sau của GCNQSD đất. Bà T khiếu nại vì các hộ dân khác có quá trình sử dụng đất giống gia đình bà nhưng được cấp GCNQSD đất với loại đất thổ cư, trong khi phần đất của gia đình bà chỉ được công nhận là đất trồng cây lâu năm. Khiếu nại đã được giải quyết bởi Quyết định 6073/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D với nội dung không chấp nhận khiếu nại. Bà T có kiến nghị và Chủ tịch UBND thị xã D đã ban hành Công văn 2095/UBND-NC ngày 22/8/2017 trả lời kiến nghị, gửi qua dịch vụ bưu chính. Đến ngày 28/3/2023, bà T liên hệ Ban tiếp công dân của UBND thành phố D yêu cầu được nhận Văn bản 2095/UBND-NC ngày 05/01/2017 và được UBND thành phố D đồng ý giao văn bản này cùng ngày. Như vậy, ngoài  nội dung xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện, án sơ thẩm xác định cần xem xét Quyết định 6073/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D và Công văn 2095/UBND-NC ngày 22/8/2017 là đúng. Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Nguồn gốc đất nêu trên theo Đơn đăng ký cấp GCNQSD đất ngày 23/3/2016 của ông Trần Bá T1, là đồng thừa kế với bà T đối với di sản của bà Trần Thị Kim A, được xác nhận bởi UBND phường B, thành phố D thể hiện: thời điểm hình thành nhà ở của gia đình ông T1 là năm 1985 – thời điểm này Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 về điều lệ bảo vệ đường bộ quy định hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ - hành lang bảo vệ đường bộ đối với Quốc lộ A (xa lộ H) đã được áp dụng theo Nghị định này. Theo Thông báo kết luận số 626/TB-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố D thống nhất xác định chỉ số bảo vệ hành lang đường bộ toàn tuyến Quốc lộ A là 25,5m và diện tích toàn bộ thửa đất của gia đình ông T1, sau này là bà T đang trực tiếp sử dụng thuộc hành lang bảo vệ đường bộ Quốc lộ A.

Những vấn đề bà T khiếu nại như gia đình đã xây nhà từ năm 1985, đã đóng thuế nhà đất, có số nhà… đều là những thông tin đúng hiện trạng sử dụng nhưng không phải là căn cứ để xác định loại đất. Đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm người khởi kiện cũng chưa đưa ra được căn cứ nào để đủ điều kiện  xác định loại đất. Việc khiếu nại các cá nhân khác có đất ở cùng khu vực nhưng được công nhận là đất ở không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ kiện này vì mỗi gia đình, cá nhân có quá trình sử dụng đất khác nhau. Như vậy, GCNQSD đất số CD 482168, số vào sổ: CH03291 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 05/8/2016, cập nhật biến động lần cuối ngày 26/9/2016 đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục và phần đất được xác định có mục đích sử dụng trồng cây lâu năm là đúng với quá trình sử dụng đất của gia đình bà T.

Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan là Quyết định 6073/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND thị xã D và Công văn 2095/UBND-NC ngày 22/8/2017 do giải quyết khiếu nại của bà T và trả lời kiến nghị của bà, thấy rằng: về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành là đúng quy định của Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật Khiếu nại 2011 và các Điều 31, 32, 33 Thông tư 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 (nay là Điều 9, Điều 10 Thông tư 04/2021/TT-TTCP) của Thanh tra Chính phủ về quy trình tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cao, kiến nghị, phản ánh của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Về nội dung giải quyết khiếu nại và trả lời kiến nghị của bà T: do đã xác định diện tích đất được đề cập là đất trồng cây lâu năm nên bà T không được chấp nhận khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Bà Trần Thị Uyên T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm với lý do thời điểm UBND tỉnh B công bố quy định chi tiết về lộ giới vào năm 1991 mới là thời điểm được xem như có văn bản phê duyệt quy hoạch, nên diện tích đất nhà bà T phải được xem xét là đất ở. Các hộ sử dụng đất liền kề đều được cấp giấy chứng nhận là đất ở còn bà T chỉ được công nhận là đất trồng cây lâu năm là không công bằng, gây thiệt thòi cho gia đình bà. Hội đồng xét xử xét thấy: nguồn gốc đất bà T khiếu nại đã được xác định là đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ, thời điểm xây cất nhà như đại diện theo ủy quyền của bà T thừa nhận là năm 1985 nhưng không có tài liệu cụ thể để chứng minh, trong khi quy định về chỉ giới bảo vệ đường bộ đã được Hội đồng Bộ trưởng ban hành theo Nghị quyết 203 ngày 21/12/1982, như vậy là nhà xây sau khi hành lang bảo vệ đường bộ được ấn định nên không có căn cứ để công nhận diện tích đất trong GCNQSD đất cấp cho ông T1, chỉnh lý biến động cho bà T là đất ở đô thị. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bà T không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Như phân tích trên về quá trình tiến hành tố tụng và kết quả giải quyết của cấp sơ thẩm là đúng quy định nên Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà T không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Uyên T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

**Căn cứ:**

Điều 6, khoản 1 Điều 30, 32, khoản 1 Điều 158, 164, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Điều 14 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các Điều 18, 33 Luật Khiếu nại năm 2011.

Án lệ số 63/2023/AL được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24/02/2023 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Uyên T đối với Ủy ban nhân dân thành phố D về việc:

- Tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH 03291 do UBND thị xã (nay là thành phố) Dĩ An cấp ngày 05/8/2016, cập nhật biến động lần cuối ngày 26/9/2016 đối với phần mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

- Buộc UBND thành phố D thực hiện thay đổi nội dung của mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm (CLN) thành đất ở đô thị (ODT) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 482168, số vào sổ: CH 03291 cấp ngày 05/8/2016.

*Án phí hành chính phúc thẩm:* Bà Trần Thị Uyên T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011696 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**